

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

Số: 49/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Mỏ Cày Nam, ngày 03 tháng 3 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện Y, tỉnh Bến Tre.

- Chị Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Phan Thị Mỹ D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn, anh T và chị D đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã N, huyện Y, thực tế vợ chồng sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, thường xuyên cãi vã dẫn đến hôn nhân không hòa hợp. Đến nay cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T và chị D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh T và chị D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị D trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị D trình bày không có nên không xem xét.

[4] Lệ phí Tòa án: Anh T và chị D thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân

sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các thỏa thuận trên của anh T và chị D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Phan Thị Mỹ D thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Phan Thị Mỹ D trình bày không có nên không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Văn T và chị Phan Thị Mỹ D trình bày không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, anh anh Lê Văn T và chị Phan Thị Mỹ D tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: 0008275 ngày 14/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã T, huyện T, Thành phố Cần Thơ - Số 85, Quyển 01 năm 2010 (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

#### **THẨM PHÁN**

(Đã ký, đóng dấu)

**Huỳnh Thị Thanh Như**